

### Chương 3

## KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

### MỤC TIÊU HỌC TẬP

**Khi nghiên cứu chương này, người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản sau.**

- Hiểu được thuế TTĐB là gì?. Hàng hoá dịch vụ nào chịu thuế TTĐB và đối tượng nào phải nộp thuế TTĐB?.
- Tại sao nói thuế TTĐB là thuế gián thu?.
- Hiểu được đối tượng nộp thuế TTĐB đồng thời phải chịu thuế GTGT,
- Nắm được kê khai nộp thuế, quyết toán, hoàn thuế TTĐB?.
- Nắm căn cứ tính thuế và giá tính thuế TTĐB đối với từng hoạt động kinh doanh cụ thể.
- Nắm được phương pháp xác định thuế TTĐB phải nộp, thuế TTĐB được khấu trừ?.
- Nắm được cách lập Tờ khai thuế TTĐB và các bảng kê liên quan.
- Nắm được các nguyên tắc được khấu trừ TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu mua vào để sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB.
- Nắm được phương pháp hạch toán thuế TTĐB.

### SỐ TIẾT: 9

#### 3.1. Những vấn đề chung về thuế tiêu thụ đặc biệt.

##### 3.1.1. Khái niệm.

Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) là loại thuế gián thu, thu vào một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ sản xuất và nhập khẩu.

##### 3.1.2. Tác dụng.

Thuế TTĐB là sắc thuế đánh vào các mặt hàng chưa thực sự thiết yếu đối với cuộc sống, những mặt hàng xa xỉ, cao cấp. Vì vậy việc ban hành sắc thuế này nhằm hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng đối với một số hàng hoá, dịch vụ cho Ngân sách Nhà nước một cách hợp lý, tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh đối với một số hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB.

Việc ban hành Luật thuế TTĐB cùng với các Luật thuế khác đã trở thành hệ thống chính sách thuế gián thu đồng bộ và tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta tiến tới hội nhập quốc tế và khu vực.

#### 3.2. Nội dung phạm vi áp dụng.

##### 3.2.1. Đối tượng chịu thuế TTĐB.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 149/2003/NĐ - CP ngày 04/12/2003 của Chính phủ thì các hàng hoá, dịch vụ sau đây là đối tượng chịu thuế TTĐB.

##### a. Hàng hoá.

Các mặt hàng chịu thuế TTĐB bao gồm:

Thuốc lá điếu, xì gà, rượu, bia, ô tô dưới 24 chỗ ngồi, xăng các loại, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác pha chế xăng, máy điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống, bài lá, vàng mã, hàng mã.

**b. Dịch vụ.**

Các loại dịch vụ chịu thuế TTĐB bao gồm

Kinh doanh vũ trường, massage, karaoke - ô kê, kinh doanh casinô, trò chơi bằng máy jackpot, kinh doanh giải trí có đặt cược, đua xe, kinh doanh gôn (golf), bán thẻ hội viên, vé chơi golf, kinh doanh xổ số.

**3.2.2. Đối tượng nộp thuế TTĐB.**

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 149/2003/NĐ - CP ngày 04/12/2003 của Chính phủ thì các tổ chức, cá nhân sau đây là đối tượng nộp thuế TTĐB.

- Tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở) có sản xuất, nhập khẩu hàng hoá và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Tổ chức sản xuất, nhập khẩu hàng hoá, kinh doanh dịch vụ bao gồm.

+ Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp Nhà nước và Luật Hợp tác xã.

+ Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác.

+ Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các công ty nước ngoài và tổ chức nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhập khẩu.

- Cơ sở sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB đối với hàng hoá này ở khâu sản xuất, đồng thời phải kê khai nộp thuế GTGT khi bán hàng hoá, dịch vụ này.

Nếu cơ sở sản xuất có tổ chức chi nhánh hay cửa hàng tiêu thụ sản phẩm của cơ sở thì cơ sở sản xuất phải kê khai và nộp thuế TTĐB và thuế GTGT tại nơi sản xuất, đồng thời chi nhánh hay cửa hàng bán sản phẩm chỉ phải kê khai nộp thuế GTGT trên phần doanh thu không có thuế TTĐB theo suất thuế GTGT đối với mặt hàng đó.

- Trường hợp cơ sở nhập khẩu mặt hàng chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB tại nơi kê khai nhập khẩu và kê khai nộp thuế GTGT tại nơi bán hàng. Trường hợp nhập khẩu uỷ thác thì cơ sở nhận uỷ thác là đối tượng nộp thuế TTĐB.

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB và thuế GTGT đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB cung ứng cho các đối tượng tiêu dùng.

Mỗi mặt hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB chỉ chịu thuế TTĐB một lần tại khâu xuất xưởng hoặc nhập khẩu, đồng thời cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB khi nộp thuế TTĐB được khấu trừ thuế TTĐB đã nộp đối với phần nguyên liệu mua vào tương ứng để sản xuất ra hàng hoá đó trong các trường hợp sau.

+ Cơ sở sản xuất trực tiếp nhập khẩu hay uỷ thác nhập khẩu nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB.

+ Cơ sở sản xuất mua nguyên liệu thuộc diện chịu thuế TTĐB do cơ sở sản xuất khác đã nộp thuế TTĐB.

**3.2.3. Các trường hợp hàng hoá không phải chịu thuế TTĐB**

*\* Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB nếu xuất khẩu thì không phải nộp thuế TTĐB trong các trường hợp sau.*

- Hàng hoá do các cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc trực tiếp gia công xuất khẩu cho nước ngoài.

- Hàng hoá do các cơ sở sản xuất ra được phép bán cho các cửa hàng được miễn thuế.

- Hàng hoá do các cơ sở sản xuất bán hoặc uỷ thác cho các cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu để xuất khẩu. Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu không xuất khẩu mà bán trong nước thì ngoài việc nộp thuế GTGT theo thuế suất của mặt hàng đó còn phải kê khai nộp thuế TTĐB thay cho cơ sở sản xuất.

*\* Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB nếu nhập khẩu thì không phải nộp thuế TTĐB trong các trường hợp sau.*

- Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, quà tặng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân,

- Đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao.

- Hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu của cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài khi xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu Việt Nam.

- Hàng hoá chuyên khẩu, quá cảnh, mượn đường qua biên giới Việt Nam.

- Hàng tạm nhập khẩu tái xuất khẩu, nếu thực tái xuất khẩu trong thời hạn chưa phải nộp thuế nhập khẩu theo chế độ quy định thì không phải nộp thuế TTĐB tương ứng với số hàng thực tái xuất khẩu.

- Hàng hoá nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm sau đó tái xuất khẩu theo chế độ quy định. Nếu hết hội chợ triển lãm mà tổ chức, cá nhân không tái xuất hàng tạm nhập thì phải nộp thuế TTĐB.

- Hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất.

- Hàng hoá nhập khẩu để bán tại các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế ở các cảng biển, sân bay quốc tế, bán cho các đối tượng được hưởng chế độ mua hàng miễn thuế theo quy định của Chính phủ.

- Hàng là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

### **3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt**

#### **3.3.1. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt**

Căn cứ tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB và thuế suất thuế TTĐB.

##### **a. Giá tính thuế**

Giá tính thuế TTĐB của hàng hoá dịch vụ được quy định cụ thể như sau.

- Đối với hàng hoá sản xuất trong nước giá tính thuế TTĐB là giá bán của cơ sở sản xuất bán ra tại nơi sản xuất chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT, được xác định như sau.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Giá bán chưa có thuế GTGT được xác định theo quy định của Luật thuế GTGT.

- Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB bán hàng qua các chi nhánh, cửa hàng, cơ sở phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là do các chi nhánh, cửa hàng, cơ sở

phụ thuộc bán ra chưa có thuế GTGT. Cơ sở sản xuất bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do cơ sở quy định, hưởng hoa hồng thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT do cơ sở sản xuất quy định chưa trừ tiền hoa hồng.

Nếu cơ sở kinh doanh sử dụng hoá đơn đặc thù không ghi tách riêng giá bán chưa có thuế GTGT và thuế GTGT, thì giá bán chưa có thuế GTGT được xác định theo công thức.

$$\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{Thuế suất thuế GTGT}}$$

**Ví dụ:** Giá bán của cơ sở sản xuất bia hơi chưa có thuế GTGT là 3.000đ/lít, thuế suất đối với bia hơi là 30% thì.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB 1 lít bia hơi} = \frac{3.000}{1 + 30\%} = 2.308\text{đ/lít}$$

- Đối với rượu sản xuất đóng chai, bia chai, bia hộp (bia lon) bán theo giá có cả vỏ chai, vỏ hộp (vỏ lon) thì giá tính thuế TTĐB được xác định như sau.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Giá trị vỏ chai, vỏ lon}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

*Trong đó:*

+ Giá trị vỏ chai là giá mua vỏ chai chưa có thuế GTGT hoặc giá thành sản xuất nếu cơ sở tự sản xuất.

+ Giá trị vỏ hộp (vỏ lon) được xác định theo mức 3.800đ/lít bia hộp.

**Ví dụ :** Đối với bia chai bán cả vỏ chai (không thu đổi vỏ chai): Giá bán 1lít bia chai Sài Gòn 330ml là 20.000đ, giá trị vỏ chai cho 1 lít bia chai theo hoá đơn mua vào chưa có thuế GTGT là 4.000đ, thuế suất thuế TTĐB của bia chai là 75%.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB 1lít bia} = \frac{20.000 - 4.000}{1 + 75\%} = \frac{16.000}{1,75} = 9.143\text{đ}$$

**Ví dụ :** Đối với bia hộp (bia lon): Giá bán 1 lít bia hộp Sài Gòn chưa có thuế GTGT là 16.000đ, giá trị vỏ hộp cho một 1 lít bia được trừ là 3.800đ, thuế suất thuế TTĐB của bia hộp là 75% thì.

$$\begin{aligned} \text{Giá tính thuế TTĐB} &= \frac{16.000 - 3.800}{1 + 75\%} = \frac{12.200}{1,75} = 6.971\text{đ} \\ \text{1lít bia hộp} & \end{aligned}$$

- Đối với bia chai bán theo phương thức thu đổi vỏ chai thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT.

**Ví dụ :** Giá bán theo phương thức thu đổi vỏ chai của một két bia Hà Nội chưa có thuế GTGT là 120.000đ/két thì.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB 1 két bia} = \frac{120.000}{1 + 75\%} = 68.571\text{đ}$$

- Đối với hàng hoá chịu thuế TTĐB được tiêu thụ qua các cơ sở kinh doanh thương mại thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 10% so với giá bán bình quân do sở thương mại bán ra.

Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất thấp hơn 10% so với giá cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế TTĐB là giá do cơ quan thuế ấn định.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu: Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hoá nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB được xác định như sau.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \text{Giá nhập khẩu} + \text{Thuế nhập khẩu}$$

Giá nhập khẩu được xác định theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu thì thuế nhập khẩu được xác định trong giá tính thuế TTĐB theo số thuế nhập khẩu còn phải nộp (không bao gồm phần thuế nhập khẩu được miễn giảm).

- Đối với hàng hoá gia công, giá tính thuế TTĐB được xác định theo giá bán chưa có thuế GTGT của cơ sở đưa đi gia công.

- Đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp, giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT của hàng hoá đó bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm lãi trả góp.

- Giá tính thuế đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT, được xác định như sau.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá dịch vụ chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

**\* Giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế GTGT làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB đối với một số hoạt động quy định như sau.**

- Đối với kinh doanh vũ trường là giá bán chưa có thuế GTGT của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường.

- Đối với dịch vụ massage là doanh thu massage chưa có thuế GTGT bao gồm cả tắm, xông hơi.

- Đối với kinh doanh gôn giá tính thuế TTĐB là doanh thu thực thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, vé chơi gôn (golf) bao gồm cả phí chơi gôn và tiền ký quỹ (nếu có).

- Đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi bằng máy jackpot, là doanh số bán chưa có thuế GTGT trừ đi số tiền đã trả thưởng cho khách hàng.

- Đối với kinh doanh giải trí có đặt cược là doanh số bán vé số đặt cược trừ đi số tiền trả thưởng cho khách hàng (giá chưa có thuế GTGT), không bao gồm doanh số bán vé xem các trò giải trí có đặt cược.

- Đối với dịch vụ xổ số là giá vé chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, khuyến mại, biếu, tặng, tiêu dùng nội bộ, giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế TTĐB của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hoá, dịch vụ quy định trên đây bao gồm cả khoản thu thêm tính ngoài giá bán hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở được hưởng.

**b. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế suất thuế TTĐB được quy định tại Thông tư số 115/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính thuế suất thuế TTĐB được áp dụng trong năm 2006 bao gồm các mức thuế suất từ 10% đến 50% được áp dụng cho các loại hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau.

**BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
<b>I.</b>	<b>Hàng hoá</b>	
1	<b>Thuốc lá điếu, xì gà</b>	
	a. Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu, xì gà	65
	b. Thuốc lá điếu có đầu lọc sx chủ yếu bằng nguyên liệu trong nước	45
	c. Thuốc lá điếu không có đầu lọc	25
2	<b>Rượu</b>	
	a. Rượu trên 40 <sup>o</sup>	75
	b. Rượu từ 20 đến 40 <sup>o</sup>	30
	c. Rượu dưới 20 <sup>o</sup> , rượu hoa quả	20
	d. Rượu thuốc	15
3	<b>Bia</b>	
	a. Bia chai, bia hộp, bia tươi	75
	b. Bia hơi	30
4	<b>Ô tô</b>	
	a. Ô tô từ 5 chỗ ngồi trở xuống	50
	b. Ô tô từ 6 chỗ ngồi đến 15 chỗ ngồi	30
	c. Ô tô từ 16 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi	15
5	Xăng các loại, naphtha (naphtha), chế phẩm tái hợp, và các chế phẩm khác để pha chế xăng	10
6	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	15
7	Bà lá	40
8	Vàng mã, hàng mã	70
<b>II.</b>	<b>Dịch vụ</b>	
1	Kinh doanh vũ trường, massage, karaoke	30
2	Kinh doanh casinô, trò chơi bằng máy jackpot	25
3	Kinh doanh giải trí có đặt cược	25
4	Kinh doanh gôn (golf), bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	20
5	Kinh doanh xổ số	15

### 3.3.2. Phương pháp xác định thuế TTĐB phải nộp.

- Cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB, khi xác định số thuế TTĐB phải nộp áp dụng công thức sau.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì khi kê khai thuế TTĐB ở khâu sản xuất được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nếu có chứng từ hợp pháp. Số thuế TTĐB được khấu trừ đối với nguyên liệu tối đa không quá số thuế TTĐB tương ứng với số nguyên liệu dùng sản xuất ra hàng hoá đã tiêu thụ. Việc khấu trừ thuế TTĐB khi xác định thuế phải nộp theo công thức sau.

$$\text{Số thuế TTĐB phải nộp} = \text{Số thuế TTĐB phải nộp của hàng xuất kho tiêu thụ trong kỳ} - \text{Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu NVL mua vào tương ứng với số hàng xuất kho tiêu thụ trong kỳ}$$

### **3.4. Đăng ký, kê khai nộp thuế, quyết toán, hoàn thuế.**

#### **3.4.1. Đăng ký thuế.**

- Cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB, kể cả các đơn vị, chi nhánh, cửa hàng trực thuộc phải đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế nơi sản xuất, kinh doanh theo quy định và theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Thời hạn đăng ký chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi có những thay đổi trên.

- Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB có sử dụng nhãn hiệu hàng hoá thì phải đăng ký mẫu nhãn hiệu hàng hoá với cơ quan thuế nơi sản xuất, kinh doanh chậm nhất không quá 5 ngày kể từ khi sử dụng nhãn hiệu. Khi thay đổi nhãn hiệu hàng hoá, cơ sở phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày thay đổi nhãn hiệu.

Đối với cơ sở sản xuất thuốc lá điếu, ngoài việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá còn phải đăng ký với cơ quan thuế về định mức tiêu hao nguyên liệu sợi thuốc lá sản xuất cho từng loại thuốc lá điếu trong đó ghi rõ số lượng sợi thuốc lá sản xuất tên một đơn vị sản phẩm và tỷ lệ giữa sợi thuốc nhập khẩu (nếu có) trên tổng khối lượng sợi thuốc dùng để sản xuất sản phẩm làm căn cứ xác định chính xác thuế suất thuế TTĐB phải nộp.

- Việc mua, bán hàng hoá, dịch vụ và vận chuyển hàng hoá chịu thuế TTĐB phải có hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

#### **3.4.2. Kê khai nộp thuế.**

- Cơ sở kinh doanh thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế có số thuế TTĐB thực hiện kê khai thuế TTĐB mỗi tháng một lần. Cơ sở kinh doanh có số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ lớn có thể thực hiện việc kê khai TTĐB theo định kỳ 5 ngày, 10 ngày một lần.

- Cơ sở kinh doanh thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế khi gửi tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt hàng tháng cho cơ quan thuế không cần gửi kèm theo các bảng kê hàng hóa, dịch vụ bán ra; hàng hóa xuất khẩu, thuế TTĐB được khấu trừ.

- Cơ sở kinh doanh thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế nộp tờ khai thuế TTĐB cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo. Sau khi nộp tờ khai cho cơ quan thuế nếu phát hiện có sai, nhầm lẫn về số liệu đã kê khai thì thực hiện kê khai điều chỉnh như sau:



+ Nếu còn trong thời hạn kê khai theo quy định thì cơ sở kinh doanh lập và nộp tờ khai thay thế cho tờ khai cũ đã gửi cơ quan thuế. Tờ khai thay thế phải ghi rõ thay thế cho tờ khai đã gửi cơ quan thuế ngày, tháng, năm nào.

+ Nếu quá thời hạn kê khai theo quy định (quá ngày 25 hàng tháng) thì cơ sở kinh doanh có thể điều chỉnh tại các dòng thuộc cột kê khai điều chỉnh trên tờ khai thuế TTĐB của tháng (mẫu số 01A/TTĐB). Trường hợp có kê khai điều chỉnh số liệu của các tờ khai trước, cơ sở kinh doanh phải gửi kèm theo Tờ khai Bản giải trình điều chỉnh thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01C/TTĐB (ban hành kèm theo Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính).

+ Trường hợp cơ quan thuế đã ra thông báo về quyết định thanh tra, kiểm tra thì cơ sở kinh doanh không được kê khai điều chỉnh (Trừ các trường hợp điều chỉnh khác theo chế độ quy định, không phải do sai sót, nhầm lẫn).

Hàng năm, cơ sở kinh doanh không phải lập và gửi cơ quan thuế bản quyết toán thuế tiêu thụ đặc biệt. Hàng tháng, cơ sở kinh doanh phải rà soát hóa đơn, chứng từ sổ sách kế toán của tháng trước để kịp thời phát hiện những khoản thuế còn sót chưa kê khai hoặc nhầm lẫn để kịp thời kê khai bổ sung vào tờ khai của tháng tiếp theo.

***Nếu trong tháng không phát sinh thuế TTĐB thì cơ sở sản xuất, kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế.***

- Cơ sở nhập khẩu hàng hoá phải kê khai và nộp tờ khai thuế TTĐB theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu với cơ quan thu thuế nhập khẩu. Thời hạn thông báo và thời hạn nộp thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo thời hạn thông báo và nộp thuế nhập khẩu.

- Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB thì khi kê khai thuế TTĐB ở khâu sản xuất được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nếu có chứng từ hợp pháp. Số thuế TTĐB được khấu trừ đối với nguyên liệu tối đa không quá số thuế TTĐB tương ứng đối với nguyên liệu dùng để sản xuất ra hàng hoá đã tiêu thụ.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB có thuế suất khác nhau thì phải kê khai thuế TTĐB theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất, thì phải tính theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai thuế và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

Trường hợp đối tượng nộp thuế có doanh số mua, bán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh số để xác định giá tính thuế.

### **3.4.3. Quyết toán thuế.**

- Cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB phải thực hiện việc quyết toán thuế TTĐB hàng năm với cơ quan thuế. Năm quyết toán tính theo năm dương lịch. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm cơ sở phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế và phải nộp đầy đủ số thuế còn thiếu vào Ngân sách Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán. Nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo.

- Trong trường hợp sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề kinh doanh, cơ sở phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế và gửi báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan

thuế trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày có quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản,... và phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào NSNN trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán. Nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo hoặc được hoàn lại theo luật định.

#### **3.4.4. Hoàn thuế.**

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng hoá chịu thuế TTĐB được hoàn thuế TTĐB đã nộp trong các trường hợp sau.

- Hàng hoá tạm nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB, khi tái xuất khẩu được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng tái xuất khẩu.

Trường hợp hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB mà còn lưu trong kho, lưu bãi ở cửa khẩu nhưng được phép tái xuất khẩu thì cũng được xét hoàn thuế.

- Hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB theo khai báo, nhưng thực tế nhập khẩu ít hơn so với khai báo. Hàng nhập khẩu trong quá trình nhập khẩu bị hư hỏng, mất có lý do xác đáng, đã nộp thuế TTĐB.

- Hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB nhưng do không đảm bảo chất lượng, mẫu mã buộc phải trả lại nước ngoài.

- Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm đã nộp thuế TTĐB, khi tái xuất được hoàn thuế.

- Hàng hoá là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng gia công xuất khẩu.

Tổng số thuế TTĐB được hoàn tối đa không quá số thuế TTĐB đã nộp của nguyên liệu nhập khẩu.

- Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản có số thuế TTĐB nộp thừa.

#### **3.5. Hướng lập Tờ khai thuế và các bảng kê liên quan.**

##### **3.5.1. Nguyên tắc lập tờ khai.**

- Trên tờ khai phải ghi rõ tờ khai kê khai cho kỳ kê khai nào (tháng... năm...).

- Các chỉ tiêu về thông tin định danh của cơ sở kinh doanh: Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ mã số [02] đến mã số [09] của tờ khai như:

- **Mã số thuế:** Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.

- **Tên cơ sở kinh doanh:** Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.

- **Địa chỉ trụ sở:** Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.

- **Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail** của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.

Nếu có sự thay đổi các thông tin trên, CSKD phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

- **Các số liệu kê khai:** Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế TTĐB. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu thì bỏ trống không ghi. Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

### 3.5.2. Tờ khai hợp lệ

Tờ khai gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

- Tờ khai được lập đúng mẫu quy định.
- Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại của cơ sở kinh doanh theo các thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế.
- Được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên và đóng dấu vào cuối của tờ khai có kèm theo các bảng giải trình theo chế độ quy định

### 3.5.3. Hướng dẫn lập các chỉ tiêu trên Tờ khai thuế 01A/TTĐB.

Tờ khai thuế TTĐB mẫu số 01A/TTĐB áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, hàng hóa dịch vụ chịu thuế TTĐB thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế theo quy định.

#### - Không phát sinh thuế TTĐB trong kỳ.

Nếu trong kỳ kê khai không phát sinh các hoạt động sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB thì cơ sở kinh doanh vẫn phải lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế. Trên tờ khai, cơ sở kinh doanh đánh dấu “X” vào ô mã số [10] - Chỉ tiêu A “Không phát sinh giá trị tính thuế tiêu thụ đặc biệt trong kỳ”.

#### - Tên loại hàng hóa (Cột 2).

Mỗi loại hàng hóa, dịch vụ bán ra của cơ sở kinh doanh được kê khai vào một dòng của tờ khai theo đúng với nội dung, tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ, cụ thể là:

+ Đối với những loại hàng hóa chịu thuế TTĐB tiêu thụ trong nước thì kê khai vào mục I, Phần B: “**Hàng hóa bán trong nước chịu thuế TTĐB**”. Mỗi loại hàng hoá chịu thuế TTĐB tiêu thụ trong nước được kê vào một dòng; nếu cùng loại hàng nhưng phải áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì mỗi mặt hàng được kê vào một dòng với mức thuế suất tương ứng.

+ Đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB thì ghi tên dịch vụ kinh doanh vào mục II, Phần B: “**Dịch vụ chịu thuế TTĐB**”. Mỗi loại dịch vụ chịu thuế TTĐB kinh doanh trong tháng được kê vào một dòng.

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa bán để xuất khẩu và hàng hóa gia công để xuất khẩu thì ghi tên loại hàng hóa xuất khẩu hoặc bán để xuất khẩu vào mục III, Phần B: “**Hàng hóa thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB**”. Cách ghi mỗi loại hàng hóa tương tự như hướng dẫn tại điểm 2.1.

**Lưu ý:** Vì các loại hàng hóa xuất khẩu, hàng bán để xuất khẩu và hàng hóa gia công để xuất khẩu thuộc diện không chịu thuế TTĐB nên trong tờ khai thuế TTĐB chỉ cần ghi tên, loại hàng hóa, số lượng, doanh số bán, các chỉ tiêu khác không cần ghi.

#### - Đơn vị tính (Cột 3).

Tùy theo từng loại hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ cơ sở kinh doanh ghi đơn vị tính phù hợp như:

+ Đối với hàng hóa là Rượu, bia, xăng, nap-ta và các chế phẩm khác để pha chế xăng: Đơn vị tính được ghi là *lít*

+ Đối với hàng hóa là Thuốc lá điếu: Đơn vị tính là *bao*

+ Đối với hàng hóa là ô tô, máy điều hoà không khí: Đơn vị tính là *chiếc*.

+ Hoạt động xổ số: Đơn vị tính là vé.

+ Dịch vụ vũ trường: Đơn vị tính là vé theo lượt/người.

+ Dịch vụ karaoke, chơi golf: Đơn vị tính là vé tính theo giờ.

Đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB cung ứng cho người tiêu dùng, nhưng không xác định được đơn vị tính của loại dịch vụ đó, thì không khai vào cột này như: Tiền bán thẻ hội viên câu lạc bộ chơi golf, tiền ký quỹ chơi golf, kinh doanh khác trong vũ trường,..vv.

**- Sản lượng tiêu thụ (Cột 4).**

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa chịu thuế TTĐB thì số liệu ghi vào cột này là tổng số lượng thực tế của từng loại hàng hóa tiêu thụ trong kỳ .

+ Đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB: Nếu có thể xác định được tổng lượng dịch vụ đã cung ứng trong kỳ thì ghi vào chỉ tiêu này, nếu loại dịch vụ không xác định được sản lượng thì không ghi vào cột này.

**- Doanh số bán chưa có thuế GTGT (Cột 5).**

Cơ sở kinh doanh căn cứ doanh số bán hàng hoá, dịch vụ chưa có thuế GTGT của từng loại hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ có trên các bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra và bảng kê hóa đơn hàng hóa xuất khẩu, ủy thác xuất khẩu và hàng hóa bán cho cơ sở xuất khẩu để ghi vào chỉ tiêu này:

+ Đối với hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nước: Căn cứ vào số liệu trên cột (2) - Bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ bán ra (mẫu số 02A/TTĐB) ban hành kèm theo Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng bán để xuất khẩu và hàng gia công xuất khẩu thì căn cứ số liệu trên cột Doanh số bán chưa có thuế GTGT trên Bảng kê hóa đơn hàng hóa xuất khẩu, ủy thác xuất khẩu và hàng bán cho cơ sở xuất khẩu để xuất khẩu mẫu số 02B/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

**- Giá tính thuế TTĐB (Cột 6).**

Giá tính thuế TTĐB được kê khai theo từng loại hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước phát sinh trong kỳ. Số liệu để ghi vào cột này được căn cứ vào số liệu trên bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán ra mẫu số 02A/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính; Công thức xác định giá tính thuế TTĐB như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Riêng đối với bia hộp, giá tính thuế TTĐB được xác định theo giá bán chưa có thuế GTGT, trừ giá trị vỏ hộp, theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Giá trị vỏ hộp}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

**- Thuế suất thuế TTĐB (Cột 7).**

Thuế suất của mỗi loại hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB phát sinh trong kỳ để ghi vào cột số (7) được căn cứ theo mức thuế suất quy định tại Biểu thuế suất thuế TTĐB hiện hành.

**- Số thuế TTĐB được khấu trừ (Cột 8).**

Số thuế TTĐB được khấu trừ ghi vào cột (8) là số thuế TTĐB của nguyên liệu do cơ sở kinh doanh mua vào để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB có chứng từ hợp pháp (chứng từ đã nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu, hoá đơn mua nguyên liệu trong nước...), số thuế TTĐB được khấu trừ tối đa không quá số thuế TTĐB của nguyên liệu dùng sản xuất hàng hoá chịu thuế

TTĐB **đã được tiêu thụ**; Đối với hoạt động kinh doanh golf, là số thuế TTĐB đã nộp, nay được khấu trừ tương ứng với số tiền ký quỹ trả lại cho người ký quỹ theo bảng kê mẫu số 04/TTĐB.

**- Số thuế TTĐB điều chỉnh của các kỳ trước (Cột 9).**

Cơ sở kinh doanh phát hiện sai sót, nhầm lẫn về thuế TTĐB của các kỳ kê khai trước thì tiến hành điều chỉnh theo số thực tế. Số thuế TTĐB điều chỉnh được kê khai vào cột (9) - Điều chỉnh thuế TTĐB của các kỳ trước của Tờ khai kỳ này.

+ Nếu số thuế TTĐB điều chỉnh giảm thì ghi với dấu âm (-);

+ Nếu số thuế TTĐB điều chỉnh tăng thì ghi với dấu dương (+);

Trường hợp số thuế TTĐB điều chỉnh cơ sở kinh doanh phải lập bản giải trình thuế TTĐB theo mẫu số 01C/TTĐB.

**- Xác định nghĩa vụ kê khai nộp thuế (cột 10).**

Sau khi đã kê khai đầy đủ các số liệu vào các cột, từ cột (2) đến cột (9) của Tờ khai thuế TTĐB, mẫu số 01A/TTĐB để xác định số thuế TTĐB phải nộp của từng loại HHDV chịu thuế TTĐB phát sinh trong kỳ để ghi vào cột số (10), tương ứng với từng loại HHDV theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế} & & \text{Giá tính} & & \text{Thuế} & & \text{Thuế} \\ \text{TTĐB} & = & \text{thuế} & \times & \text{suất (\%)} & - & \text{TTĐB} \\ \text{phải nộp} & & \text{TTĐB} & & & & \text{được} \\ & & & & & & \text{khấu trừ} \\ & & & & & & \text{Điều chỉnh} \\ & & & & & & \text{thuế} \\ & & & & & & \text{TTĐB} \end{array}$$

Sau khi đã xác định được số thuế TTĐB phải nộp của từng loại HHDV trong kỳ, cơ sở kinh doanh cộng tổng số thuế TTĐB phải nộp các loại HHDV để xác định tổng số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ tại dòng tổng cộng cột số (10).

## CÁC MẪU TỜ KHAI VÀ MẪU BẢNG KÊ ĐỐI VỚI THUẾ TTĐB HIỆN HÀNH

Cơ sở kinh doanh	Mẫu Tờ khai, Bảng kê	Tên Tờ khai, Bảng kê	Ban hành kèm theo Thông tư	Kỳ kê khai
------------------	----------------------	----------------------	----------------------------	------------

**Bài giảng Kế toán thuế**

<p><b>Đối với CSKD không thực hiện cơ chế tự kê khai tự nộp thuế. Tờ khai và các bảng kê cần lập và gửi đến cơ quan thuế.</b></p>	01/TTĐB	Tờ khai thuế TTĐB	<p><b>Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính</b></p>	Kê khai hàng tháng hoặc định kỳ
	05/TTĐB	Quyết toán thuế TTĐB		Kê khai hàng năm
	02A/TTĐB	Bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ bán ra.		<p>Kèm theo Tờ khai thuế TTĐB tháng</p>
	02B/TTĐB	Bảng kê hóa đơn hàng hóa xuất khẩu, ủy thác xuất khẩu và hàng bán cho cơ sở xuất khẩu để xuất khẩu		
	04/TTĐB	Bảng kê thuế TTĐB được khấu trừ		
<p><b>Đối với CSKD thực hiện cơ chế tự kê khai tự nộp thuế. Tờ khai và các bảng giải trình cần gửi đến cơ quan thuế.</b></p>	01A/TTĐB	Tờ khai thuế TTĐB	<p><b>Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 29/05/2005 của Bộ Tài chính</b></p>	Kê khai hàng tháng
	01C/TTĐB	Bảng giải trình điều chỉnh thuế TTĐB		Kèm theo Tờ khai thuế TTĐB

**3.6. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt.**

**3.6.1. Chứng từ sử dụng.**

Để theo dõi hạch toán thuế TTĐB, các cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB sử dụng các hoá đơn, chứng từ sau.

- Hoá đơn GTGT Mẫu số: 01/GTKT - 3LL
- Tờ khai thuế nhập khẩu (nếu có)
- Biên lai nộp thuế TTĐB
- Bảng kê hoá đơn hàng hoá dịch vụ bán ra Mẫu số: 02A/TTĐB

- Bảng kê hoá đơn hàng hoá xuất khẩu, uỷ thác xuất khẩu và hàng hoá bán cho cơ sở xuất khẩu để xuất khẩu Mẫu số: 02B/TTĐB

- Bảng kê thuế TTĐB được khấu trừ Mẫu số: 04/TTĐB

- Sổ theo dõi thuế TTĐB

- Tờ khai thuế TTĐB Mẫu số: 01A/TTĐB

- Báo cáo thuế Mẫu B02-DN

- Quyết toán thuế Mẫu số: 05/TTĐB

### **3.6.2. Phương pháp hạch toán thuế tiêu thụ đặc biệt.**

#### **a. Nguyên tắc xác định thuế TTĐB phải nộp.**

- Cơ sở sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB đối với hàng hoá này ở khâu sản xuất. Trường hợp nhập khẩu mặt hàng chịu thuế TTĐB thì phải nộp thuế TTĐB tại nơi kê khai nhập khẩu

- Các cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB và thuế GTGT khi cung ứng cho các đối tượng tiêu dùng.

- Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì khi kê khai thuế TTĐB phải nộp ở khâu sản xuất được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nếu có chứng từ hợp pháp.

#### **b. Kết cấu, nội dung Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Các cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ thuộc đối diện chịu thuế TTĐB sử dụng tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Tài khoản 3332 được theo dõi, phản ánh số thuế TTĐB phải nộp, đã nộp khi mua, bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB.

##### **Bên Nợ:**

- Số thuế TTĐB đã nộp vào NSNN

- Số thuế TTĐB được miễn giảm, được hoàn

##### **Bên Có:**

- Số thuế TTĐB phải nộp vào NSNN

##### **Số dư Bên Có:**

- Số thuế TTĐB còn phải nộp vào NSNN

##### **Số dư Bên Nợ:**

- Số thuế TTĐB đã nộp thừa vào NSNN

#### **c. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ thuế tiêu thụ đặc biệt**

- Khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm cả thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT, ghi.

Nợ TK 111, 112, 131,... Tổng giá thanh toán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

- Khi phản ánh số thuế TTĐB phải nộp vào NSNN, ghi.

Nợ TK 511

Có TK 3332 - Thuế TTĐB

- Khi nộp thuế TTĐB vào NSNN, ghi.

Nợ TK 3332 - Thuế TTĐB

Có TK 111, 112, 311

- Khi nhập khẩu vật tư, hàng hoá, TSCĐ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, kế toán căn cứ vào hoá đơn mua hàng nhập khẩu kế toán phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế nhập khẩu và thuế TTĐB, ghi.

Nợ TK 152, 156, 211,...

Có TK 111, 112, 331,...

Có TK 3332 - Thuế TTĐB phải nộp

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (Thuế nhập khẩu)

*Nếu hàng hoá nhập khẩu thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế GTGT hàng nhập khẩu sẽ được khấu trừ, ghi.*

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu

Khi nộp thuế TTĐB, thuế nhập khẩu vào NSNN, ghi.

Nợ TK 3333 - Thuế nhập khẩu (Chi tiết thuế NK)

Nợ TK 3332 - Thuế TTĐB phải nộp

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

- Nếu hàng tạm nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB, khi tái xuất khẩu được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng xuất khẩu. Số thuế TTĐB được NSNN hoàn lại, ghi.

Nợ TK 111, 112 - Nếu được hoàn lại bằng tiền

Nợ TK 3332 - Nếu trừ vào số thuế TTĐB phải nộp

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 711 - Thu nhập khác

- Trường hợp hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB theo khai báo, nhưng thực tế nhập khẩu ít hơn so với khai báo, trong quá trình nhập khẩu hàng bị hư hỏng, mất có lý do xác đáng, đã nộp thuế TTĐB thì số thuế TTĐB nộp thừa đó được NSNN hoàn lại, ghi.

Nợ TK 111, 112 - Nếu được hoàn lại bằng tiền

Nợ TK 3332 - Nếu trừ vào số thuế TTĐB phải nộp kỳ sau

Có TK 152, 156, 211, ... Nếu hàng hoá chưa xuất bán

Có TK 632 - Nếu hàng hoá đã bán

- Cơ sở sản xuất kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản có số thuế TTĐB nộp thừa. Số thuế TTĐB nộp thừa được NSNN hoàn lại bằng tiền, ghi.



Nợ TK 111, 112

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Nếu cơ sở SXKD hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB gặp khó khăn do thiên tai, địch hoạ, tai nạn bất ngờ bị lỡ thì được xét miễn giảm thuế TTĐB. Số thuế TTĐB được miễn giảm được trừ vào số thuế TTĐB phải nộp của kỳ sau, ghi.

Nợ TK 3332 - Thuế TTĐB

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 711 - Thu nhập khác

- Trường hợp hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB nhưng vì lý do nào đó buộc phải xuất trả lại nước ngoài thì số thuế TTĐB đã nộp đối với hàng xuất trả lại nước ngoài, ghi.

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu trả lại người bán, ghi.

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

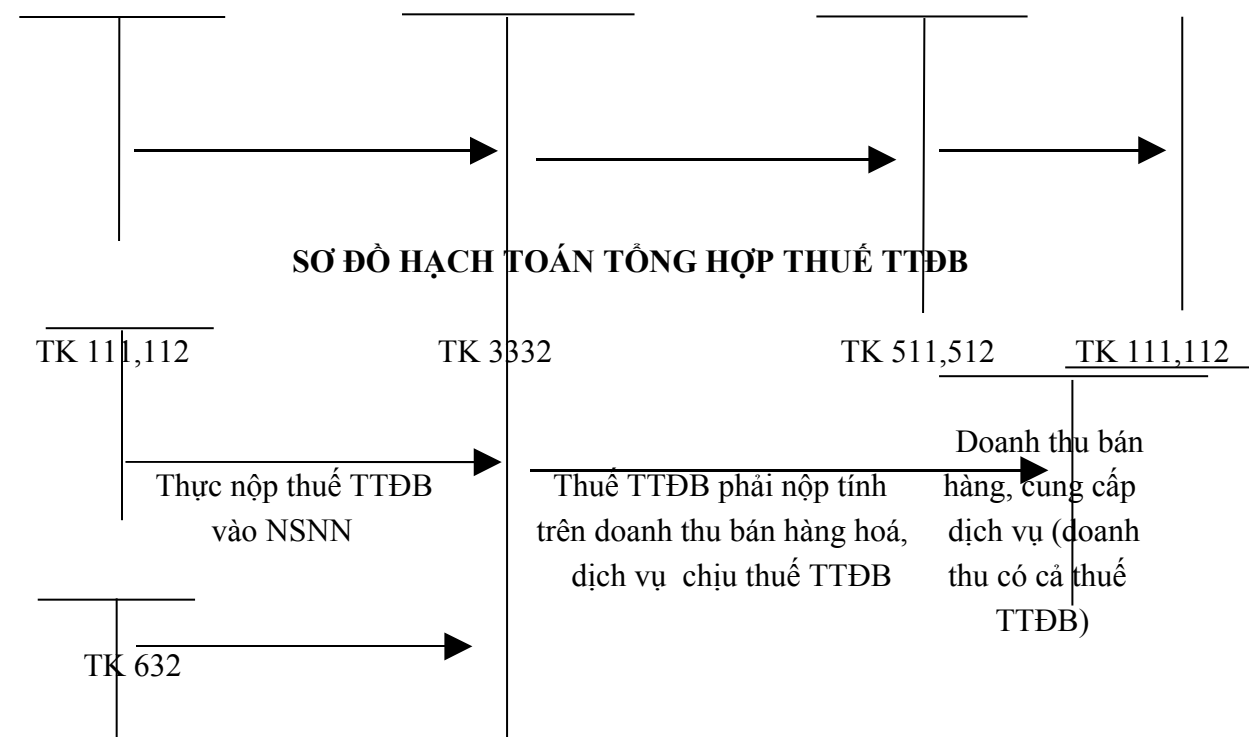
Có TK 152, 156, 211,...

+ Số thuế TTĐB được NSNN hoàn lại bằng tiền hoặc trừ vào số thuế TTĐB phải nộp kỳ sau, ghi.

Nợ TK 111,112

Nợ TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

Có TK 152, 156, 211,...



TK 152,156, 211

Miễn thuế, giảm thuế  
TTĐB trừ vào số phải nộp  
(Nếu cùng kỳ kế toán)

Thuế TTĐB phải nộp khi nhập khẩu  
vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB

TK 711

Miễn thuế, giảm thuế  
TTĐB trừ vào số phải nộp  
(Nếu khác kỳ kế toán)

**SD Có:** Số thuế TTĐB còn  
phải nộp vào NSNN

*Mẫu số 02A/TTĐB*

## **BẢNG KÊ HÓA ĐƠN HÀNG HÓA DỊCH VỤ BÁN RA**

(Kèm theo tờ khai thuế TTĐB)

(Từ ngày..... tháng..... đến ngày..... ngày..... tháng năm.....)

Tên cơ sở kinh doanh : .....

Địa chỉ: .....

**Bài giảng Kế toán thuế**

STT	Chứng từ		Tên khách hàng	Tên hàng hóa dịch vụ	Doanh số bán có thuế TTĐB không có thuế GTGT	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB
	Số	Ngày						
1	2	3	4	5	7	8	9	$10 = 8 \times 9$
			<b>Cộng</b>					

Ngày.....tháng.....năm.....

.....

**Người lập biểu**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

*Cách ghi:*

- Bảng kê này ghi theo từng kỳ kê khai, ghi theo thứ tự thời gian hoặc kết hợp theo từng loại, nhóm hàng hóa, dịch vụ theo từng mức thuế suất.

- Căn cứ vào bảng kê này, cơ sở tổng hợp lập tờ khai thuế TTĐB Mẫu số 01A/TTĐB

**Mẫu số: 02B/TTĐB**

**BẢNG KẾ HÓA ĐƠN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, ỦY THÁC XUẤT KHẨU VÀ HÀNG HÓA BÁN CHO CƠ SỞ ĐỂ XUẤT KHẨU**

(Từ ngày..... tháng..... đến..... ngày..... tháng.....năm.....)

Tên cơ sở kinh doanh:.....

M. sè:

Địa chỉ:.....

**Bài giảng Kế toán thuế**

STT	Hoá đơn bán hàng		Tên khách Hàng	MS thuế	Địa chỉ	Tên hàng hoá, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Doanh số bán chưa có thuế GTGT
	Số	Ngày							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			<b>Tổng cộng</b>						

tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Cách ghi:**

+ Bảng kê bán hàng kê khai theo từng hoá đơn bán ra, ghi theo trình tự thời gian hoặc kết hợp theo từng nhóm, loại hàng hoá, dịch vụ và theo từng mức thuế suất.

+ Căn cứ vào bảng kê này, cơ sở tổng hợp, lập tờ khai thuế TTĐB

**Mẫu số: 04/TTĐB**

**BẢNG KÊ THUẾ TTĐB ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

(Từ ngày..... tháng..... đến ngày..... tháng..... năm.....)

(Kèm theo tờ khai thuế TTĐB ngày.....tháng..... năm.....)

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

**Bài giảng Kế toán thuế**

Số TT	Chứng từ mua hàng hoặc biên lai nộp thuế TTĐB		Tên mặt hàng mua hay nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB	Số lượng	Trị giá mua	Trị giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB phải nộp khi mua hàng	Số thuế TTĐB đã nộp đối với hàng mua
	Số	Ngày							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			<b>Cộng</b>						

Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu trước khi nhập khẩu hàng hoá:

- + Theo biên lai thu thuế hàng nhập khẩu: .....
- + Theo giá trị hàng mua vào: .....
- + Tổng cộng: .....
- + Số thuế TTĐB được khấu trừ kỳ này: .....

*Xin cam đoan số liệu khai trên đây là đúng thực tế:*

Ngày.....tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Cách ghi:** Ghi theo thứ tự chứng từ mua hàng, nhập khẩu. Việc xác định số thuế được khấu trừ trong kỳ căn cứ vào số hàng nhập khẩu, mua vào sử dụng tương ứng với hàng sản xuất ra.

**Mẫu số: 01A/TTĐB**

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

**TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

Từ ngày.....đến.....ngày.... tháng..... năm.....

Tên cơ sở:.....

Mã số

**Địa chỉ:**.....

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Số lượng	Doanh số bán (có thuế TTĐB không có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Số thuế TTĐB phải nộp
A	B	1	2	3	4	5 = 3 x 4
I	Hàng hoá bán trong nước - Sản phẩm A... - Sản phẩm B....					
II	Hàng hoá XK, uỷ thác XK và bán cho cơ sở XK để xuất khẩu - Hàng hoá xuất khẩu - Hàng hoá uỷ thác XK - Hàng hoá bán để XK					
	<b>Cộng</b>					

\* Số thuế TTĐB được khấu trừ (nếu có).....

\* Số thuế TTĐB kỳ trước chuyển qua;

- Nộp thừa (-) .....

- Nộp thiếu (+) .....

\* Số thuế TTĐB phải nộp kỳ này .....

(*Bằng chữ*.....)

..... )

Xin cam đoan số liệu khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng..... năm.....

**Thay mặt cơ sở  
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số: 05 / TTĐB

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**QUYẾT TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

Năm.....

Tên cơ sở kinh doanh:.....

**Bài giảng Kế toán thuế**

**Địa chỉ:**.....

**Ngành nghề kinh doanh:**.....

STT	Chỉ tiêu	Doanh số (Giá có thuế TTĐB) chưa có thuế GTGT	Thuế TTĐB
1	Doanh số bán hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB		x
2	Số thuế TTĐB phát sinh	x	
3	Số thuế TTĐB kỳ trước chuyển qua + Nộp thiếu + Nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ	x x	
4	Thuế TTĐB phải nộp năm quyết toán	x	
5	Thuế TTĐB đã nộp trong năm	x	
6	Thuế TTĐB cuối kỳ quyết toán + Nộp thiếu + Nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ	x x x	

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số: 01A/TTĐB**

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

Ngày nộp tờ khai

...../...../.....

**TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

**[01] kỳ kê khai thuế : tháng.....năm.....**

[02] Mã số: .....

[03] Tên cơ sở KD.....

[06] Tỉnh/Thành phố.....

[04] Địa chỉ trụ sở:.....

[05] Quận/ huyện .....

[09] Email.....

[07] Điện thoại:.....

[08] Fax:.....

S T T	Tên HHDV	Đ V T	Sản lượng tiêu thụ	Doanh số bán chưa có thuế GTGT	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Điều chỉnh thuế TTĐB các kỳ trước	Số thuế TTĐB phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>A</b>	<b>Không phát sinh trị giá tính thuế TTĐB</b>								
<b>B</b>	<b>Kê khai thuế TTĐB phải nộp</b>								
<b>I</b>	<b>Hàng hóa bán trong nước chịu thuế TTĐB</b>								
1									
2									
<b>II</b>	<b>Dịch vụ chịu thuế TTĐB</b>								
1									
2									
<b>III</b>	<b>Hàng hóa thuộc trợ hợp không chịu thuế TTĐB</b>								
1									
2									
<b>C</b>	<b>Cộng</b>								

### **TÓM TẮT CHƯƠNG 3**

Khi nghiên cứu chương này, người học cần nắm những nội dung cơ bản sau.

- Nắm được thuế TTĐB là gì?. Hàng hoá chịu thuế TTĐB đồng thời cả chịu thuế GTGT.
- Nắm được căn cứ tính thuế TTĐB, giá tính thuế TTĐB đối với từng hoạt động SXKD cụ thể.
- Nắm được phương pháp xác định thuế TTĐB phải nộp.
- Nắm được cách xác định thuế TTĐB được khấu trừ của nguyên liệu mua vào đã chịu thuế TTĐB để sản xuất ra mặt hàng chịu thuế TTĐB?.
- Nắm được phương pháp lập các chỉ tiêu trên khai thuế TTĐB và các bảng kê liên quan.



- Nắm được trách nhiệm và thời hạn nộp tờ khai thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế TTĐB.
- Nắm được các phương pháp hạch toán các nghiệp vụ thuế TTĐB nhập khẩu, sản xuất bán ra, nộp thuế,...

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt số 05/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 08/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003.
3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT số 57/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
4. Nghị định số 149/2003/NĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.
5. Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng.
6. Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ
7. Thông tư số 18/2005/TT-BTC ngày 8 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ.
8. Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự khai tự nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.
9. Thông tư số 115/2005/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ sửa đổi bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng.

### **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 3**

1. Thuế TTĐB là gì?. Mục đích ý nghĩa của việc ban hành luật thuế TTĐB ở nước ta?.
2. Trình bày căn cứ và phương pháp tính thuế TTĐB?.
3. Việc khấu trừ thuế TTĐB được quy định như thế nào?. Phương pháp xác định?.
4. Các loại hoá đơn chứng từ, sổ sách báo cáo nào được sử dụng cho việc theo dõi hạch toán thuế TTĐB?.
5. Trình bày trình tự luân chuyển hoá đơn chứng từ phục vụ cho việc theo dõi hạch toán thuế TTĐB?.
6. Trình bày sự giống và khác nhau giữa thuế TTĐB và thuế GTGT?.

7. Tại sao nói thuế TTĐB là loại thuế gián thu? Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB được khấu trừ trong trường hợp nào và phải nộp thêm những loại thuế gì ở khâu bán ra?.

8. Vẽ sơ đồ hạch toán thuế TTĐB đã nộp trong trường hợp hàng tạm nhập tái xuất?.

9. Vẽ sơ đồ hạch toán thuế TTĐB đã nộp trong trường hợp hàng tạm nhập ít hơn kê khai?.

10. Vẽ sơ đồ hạch toán thuế TTĐB đã nộp trong trường hợp nhập khẩu nguyên liệu để gia công hàng xuất khẩu?.

11. Vẽ sơ đồ hạch toán thuế TTĐB đã nộp trong trường hợp hàng nhập khẩu phải trả lại nước ngoài?.

12. Vẽ sơ đồ hạch toán bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB tại đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ?.

**Bài 1:** Công ty A là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, trong kỳ có *nghiệp vụ phát sinh như sau?*

Mua 10.000 lít rượu nguyên liệu về sản xuất rượu thuốc, giá mua chưa có thuế TTĐB là 100trđ, thuế TTĐB 30%. Trong tháng xuất 8.000 lít sản xuất được 240.000 chai rượu thuốc và đã bán được 200.000 chai với giá bán chưa thuế GTGT là 345.000đ/chai, thuế TTĐB 75%.

**Yêu cầu. Tính thuế TTĐB công ty A phải nộp?.**

**Bài 2:** Công ty B là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, trong kỳ có *nghiệp vụ phát sinh như sau?*

Mua 80.000 lít rượu nguyên liệu về sản xuất rượu thuốc đã nộp thuế TTĐB 100trđ. Trong tháng 60.000 lít sản xuất được 120.000 chai rượu thuốc, đã bán được 80.000 chai với giá bán có cả thuế GTGT là 245.000đ/chai, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 75%.

**Yêu cầu. Tính thuế TTĐB, thuế GTGT công ty A phải nộp?.**

**Bài 30:** Công ty X là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, trong kỳ có *nghiệp vụ phát sinh như sau?*

1. Nhập khẩu một chiếc xe ô tô 4 chỗ ngồi, giá nhập khẩu 30.000\$, thuế nhập khẩu 30%, thuế TTĐB 80%, thuế GTGT 10%.

2. Xuất bán 290.000 lít bia với giá thanh toán là 7.150đ/lít, thuế TTĐB 30%, thuế GTGT 10%.

3. Theo thông báo của quầy hàng, doanh số kinh doanh dịch vụ (tổng giá thanh toán) trong kỳ là 330trđ, thuế TTĐB 30%, thuế GTGT 10%.

**Yêu cầu: Tính các loại thuế công ty X phải nộp?.** Biết rằng thuế TTĐB được khấu trừ trong kỳ 20%, 1\$ = 16.000VNĐ.

**Bài 4:** Công ty XNK A mua 1 triệu bao thuốc lá của cơ sở B để xuất khẩu với giá mua chưa có thuế TTĐB là 16.500đ/bao (vì cơ sở B không phải nộp thuế TTĐB trong trường hợp này), loại thuốc lá này có thuế suất thuế TTĐB là 65%. Nhưng vì lý do nào đó công ty A không tiến hành xuất khẩu mà bán trong nước với giá bán chưa thuế GTGT 19.500/bao, thuế GTGT 10%.

**Yêu cầu: Trong trường hợp này ai là người nộp thuế?. Tính số thuế phải nộp?.**

**Bài 5:** Doanh nghiệp A là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 3/2005 có các *nghiệp vụ như sau (trđ)*.

1. Nhập khẩu NVL về sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, giá nhập khẩu 150, thuế nhập khẩu 20%, thuế TTĐB 45%, thuế GTGT 10% đã thanh toán cho người bán bằng TGNH.

2. Nộp thuế TTĐB, thuế nhập khẩu bằng tiền mặt.

3. Mua 1.000kg nguyên liệu trong nước về sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, Hoá đơn GTGT số 097 ghi, giá mua chưa thuế GTGT 65, thuế TTĐB 30%, thuế GTGT 10% chưa trả tiền người bán.

4. Nộp thuế TTĐB bằng tiền mặt.

5. Xuất 100 sản bán, Hoá đơn GTGT số 001 ghi, giá thanh toán 495, thuế TTĐB 25%, thuế GTGT 10% đã thu 1/2 bằng TGNH. Giá thành sản xuất của loại sản phẩm này là 2,5trđ/cái.

6. Xuất 150 sản phẩm bán, Hoá đơn GTGT số 002 ghi, giá bán chưa thuế GTGT 600, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 25% khách hàng đã chấp nhận thanh toán bằng chuyển khoản.

7. Đã được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

8. Nộp thuế GTGT, thuế TTĐB bằng TGNH (biết rằng số NVL mua vào đã xuất dùng toàn bộ cho sản xuất sản phẩm bán ra).

**Yêu cầu:**

1. Tính thuế GTGT, thuế TTĐB phải nộp?.

2. Định khoản các nghiệp vụ trên.

3. Phản ánh vào sơ đồ tài khoản liên quan.

**Bài 6:** Doanh nghiệp X là đơn vị sản xuất 2 mặt hàng A, B ( mặt hàng A chịu thuế GTGT, mặt hàng B chịu thuế TTĐB) và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau (ĐVT: Trđ).

1. Mua nguyên vật liệu về sản xuất sản phẩm A, Hóa đơn GTGT ghi, giá thanh toán 330, thuế GTGT 10% đã trả một nửa bằng TGNH. Chi phí vận chuyển lô hàng trên đã trả bằng tiền mặt theo Hóa đơn đặc thù 4,4, thuế GTGT 10%.

2. Mua nguyên vật liệu về sản xuất sản phẩm B, Hóa đơn GTGT ghi, giá mua chưa thuế 150, thuế GTGT 10% đã trả bằng tiền vay ngắn hạn. Chi phí vận chuyển phải trả của lô hàng trên theo Hóa đơn đặc thù là 5,5, thuế GTGT 10%.

3. Nhập khẩu một TSCĐ dùng vào sản xuất 2 mặt hàng A và B. Tờ khai Hai quan ghi, giá nhập khẩu 700, thuế nhập khẩu 80%, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10%, đã trả người bán bằng tiền gửi ngân hàng.

4. Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu bằng tiền mặt.

5. Mua nguyên vật liệu dùng vào sản xuất 2 sản phẩm A và B, Hóa đơn GTGT ghi, giá mua chưa thuế 250, thuế GTGT 10%, đã trả 1/2 bằng TGNH. Chi phí vận chuyển lô hàng trên đã trả bằng tiền mặt theo Hóa đơn đặc thù là 8,8, trong đó thuế GTGT 0,8.

6. Xuất thành phẩm A bán, Hóa đơn GTGT ghi, giá thanh toán 1.320, thuế GTGT 10% đã thu 1/2 bằng TGNH, giá thành sản xuất sản phẩm này là 900.

7. Xuất thành phẩm B bán, Hóa đơn GTGT ghi, giá thanh toán là 990, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 25%, người bán đã chuyển tiền qua Ngân hàng nhưng doanh nghiệp chưa nhận được Giấy báo Có.

8. Xuất kho thành phẩm B bán, Hóa đơn GTGT ghi, giá bán chưa thuế GTGT 825, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 25% đã thu 507,5 bằng tiền gửi ngân hàng.

9. Đã được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

10. Nộp thuế GTGT, thuế TTĐB bằng TGNH.

**Yêu cầu:**

1. Tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT, thuế TTĐB phải nộp?.

2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Bài 7:** Doanh nghiệp A là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong kỳ mua 8.000kg nguyên liệu của cơ sở B về sản xuất rượu, Hóa đơn GTGT ghi, giá thanh toán 429 triệu đồng, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 30%. Trong kỳ xuất ra 5.000kg sản xuất được 60.000 chai, đã bán được 45.000 chai, Hóa đơn GTGT ghi, giá thanh toán 13.475đ/chai, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 75%.

**Yêu cầu: Tính thuế TTĐB, thuế GTGT doanh nghiệp A phải nộp?.**

**Bài 8:** Doanh nghiệp X là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong kỳ nhập khẩu một TSCĐHH dùng vào SXKD chịu thuế GTGT, Tờ khai hải quan ghi, giá FOB. Osaka là 500tr, phí bảo hiểm là 25trđ, chi phí vận tải là 35 trđ do người bán chịu, thuế nhập khẩu 40%, thuế TTĐB 80%, thuế GTGT 10%. Toàn bộ tiền hàng chưa trả tiền người bán, phí bảo hiểm và chi phí vận tải đã trả bằng tiền gửi ngân hàng. DN đã nộp tất cả các khoản thuế trên bằng tiền mặt. Bảy ngày sau nhận được Giấy Báo Có của ngân hàng được cơ quan hải quan cho hoàn lại thuế GTGT hàng nhập khẩu.

**Yêu cầu.**

1. Tính thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT hàng nhập khẩu?.
2. Định khoản các nghiệp vụ trên.

**Bài 9:** Doanh nghiệp A là đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong kỳ mua 8.000kg nguyên liệu của cơ sở B về sản xuất rượu, Hóa đơn GTGT ghi, giá chưa thuế GTGT là 390trđ thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 30%. Trong kỳ xuất ra 6.500kg sản xuất được 70.000 chai, đã bán được 35.000 chai, Hóa đơn GTGT ghi, giá chưa thuế GTGT là 12.250đ/chai, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 75%.

**Bài 10:** Doanh nghiệp A là đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau (ĐVT: Trđ).

1. Xuất kho thành phẩm để đổi lấy nguyên vật liệu dùng vào hoạt động xây dựng nhà tình nghĩa, trị giá trao đổi chưa thuế GTGT là 700, giá thành sản xuất của số sản phẩm này là 350, nguyên vật liệu nhận về theo giá chưa thuế GTGT là 300, cả hai mặt hàng này đều chịu thuế GTGT 10%. Phần chênh lệch hai bên đã đồng ý thanh toán cho nhau bằng tiền mặt.

2. Nhập khẩu nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT, tờ khai hải quan ghi, giá CIF. Đà Nẵng là 250, trong đó chi phí vận tải và phí bảo hiểm là 35 đã trả bằng TGNH, thuế nhập khẩu 20%, thuế TTĐB 45%, thuế GTGT 10%. Tiền hàng đã trả người bán 1/2 bằng tiền vay ngắn hạn, số còn lại sẽ trả bằng TGNH.

3. Nộp thuế NK, thuế TTĐB bằng tiền mặt.

4. Nhận được thông báo của hải quan được khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu.

5. Nhập khẩu một TSCĐHH dùng vào hoạt động phúc lợi. Tờ khai hải quan ghi, giá FOB. Băng cốc là 400, thuế nhập khẩu 30%, thuế TTĐB 65%, thuế GTGT 10% đã trả người bán 270 bằng tiền vay dài hạn, số còn lại kỳ sau sẽ trả. Chi phí vận tải là 45, phí bảo hiểm 25 đã trả người bán bằng TGNH.

6. Nộp thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT bằng TGNH.

7. Xuất kho thành phẩm để đổi lấy nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT, trị giá trao đổi chưa thuế GTGT là 300, giá vốn 190, trị giá chưa thuế GTGT của nguyên vật liệu nhận về là 400, cả hai mặt hàng này đều chịu thuế GTGT 10%. Phần chênh lệch hai bên đã đồng ý thanh toán cho nhau bằng TGNH.

8. Nhập khẩu nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT, tờ khai hải quan ghi, giá FOB.Liverpool là 270, chi phí vận tải 80 và phí bảo hiểm là 50 đã trả bằng tiền vay ngắn hạn, thuế nhập khẩu 25%, thuế TTĐB 40%, thuế GTGT 10%. Tiền hàng đã trả người bán 1/2 bằng TGNH, số còn lại trả bằng tiền vay ngắn hạn và đã nộp thuế nhập khẩu, thuế TTĐB bằng tiền mặt, thực tế hàng về cảng Việt Nam chỉ đạt 80% giá trị, số hàng thiếu DN đã đồng ý cho người bán sẽ giao sau. DN đã kê khai thuế GTGT theo số thực.

9. Bảy ngày sau, nhận được quyết định của cơ quan hải quan được hoàn lại thuế nhập khẩu, thuế TTĐB nộp thừa cho trừ vào số phải nộp lần, thuế GTGT đã được khấu trừ.

10. Xuất kho thành phẩm bán, giá vốn 2.500, tổng giá thanh toán 4.400, thuế GTGT 10%. Đã thu 1/2 bằng TGNH, số còn lại kỳ sau sẽ thu bằng TGNH.

11. Do số sản phẩm đã bán ở NV10 không đảm bảo quy cách chất lượng nên khách hàng đã lập hóa đơn GTGT trả lại 1/2. DN đã đồng ý nhận lại số sản phẩm trên.

12. Xuất kho 130.000SP bán, Hóa đơn GTGT ghi, giá bán chưa thuế GTGT là 12.250đồng/sp, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 75% đã thu 1/2 bằng TGNH.

13. Được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

14. Nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (sau khi được khấu trừ toàn bộ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu mua vào) bằng TGNH.

**Yêu cầu:**

1. Tính thuế NK, thuế TTĐB phát sinh, thuế TTĐB còn phải nộp?.
2. Tính thuế GTGT đầu vào phát sinh, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT còn phải nộp?.
3. Định khoản các nghiệp vụ trên .